

Tập 77

Xin xem A Di Đà Kinh Sớ Sao Diễn Nghĩa Hội Bản, trang một trăm hai mươi hai:

(Sớ) Hựu vân: Hệ niệm tư duy nhân duyên lực cố, đắc đoạn phiền não, thị Niết Bàn nghĩa. Như Phật cáo phụ vương: “Nhữ kim đương niệm Tây Phương Cực Lạc thế giới A Di Đà Phật, thường cần tinh tấn, đương đắc Phật đạo”.

(疏)又云：繫念思惟因緣力故，得斷煩惱，是涅槃義。如佛告父王，汝今當念西方極樂世界阿彌陀佛，常勤精進，當得佛道。

(Sớ: Lại nói: Do sức nhân duyên hệ niệm tư duy bền đoạn được phiền não, đó là nghĩa lý trong kinh Niết Bàn. Như Phật bảo phụ vương: “Cha hãy nên niệm Tây Phương Cực Lạc thế giới A Di Đà Phật, thường siêng năng tinh tấn, sẽ đắc Phật đạo”).

Phản trên đã nói về Quán Phật Tam Muội và Bồ Tát Lục Niệm, trong sự tu hành học Phật, có thể nói những điều này đều là pháp môn chung; bất luận học theo tông nào, hay một pháp môn nào, cũng đều phải phát tâm tu học [các pháp môn chung này]. Nói đơn giản, “niệm” là giữ cho tâm định tại một chỗ, an trụ ở nơi ấy, đó là “niệm”. Trong tâm người học Phật chỉ có sáu chuyện này, đó là Bồ Tát Lục Niệm. Niệm Tam Bảo vô cùng quan trọng, chỉ cần là một người học Phật, trong khóa tụng sáng tối mỗi ngày của chúng ta đều có Tam Quy Y, đó là niệm Giác, niệm Chánh, niệm Tịnh. Trong Đàn Kinh, Lục Tổ đại sư đã khai thị hết sức rõ ràng. Kế đến là niệm Bồ Thí, niệm Trì Giới, niệm Thiên. Thiên là gì? Thập Thiện Nghiệp Đạo, Tứ Vô Lượng Tâm, chữ Thiên bao gồm hết [những điều ấy]. Tứ Vô Lượng Tâm là từ, bi, hỷ, xả. Người học Phật phải thường nghĩ đến sáu chuyện này, đó là pháp căn bản, là khoa mục chung trong Phật pháp.

“Hệ niệm tư duy nhân duyên lực cố” (do sức nhân duyên tư duy, hệ niệm): Hiệu quả ấy to lớn, có thể đoạn phiền não. Chúng ta niệm Phật chính là dùng công phu này. Vì thế, một câu Phật hiệu phải niệm đến mức đắc lực, có thể đè nén phiền não. Có thể đè nén phiền não, công phu bền đắc lực! Đè nén lâu ngày, phiền não sẽ tự nhiên đoạn. Ngàn vạn phần đừng có ý niệm này: “Ta niệm đã lâu dường ấy, sao phiền não vẫn chẳng đoạn?”

Hễ có ý niệm đoạn phiền não, sẽ chẳng thể đoạn phiền não! Vì sao? Vì ý niệm ấy chính là phiền não. Phiền não chẳng thể đoạn phiền não, ắt phải là chẳng có phiền não thì mới gọi là đoạn phiền não! Do vậy, chỉ nên thật thà niệm, nhất tâm là gì? Bất loạn là gì? Công phu thành phiền là gì? Nhất loạn chẳng quan tâm tới, chẳng cần ghim những điều đó trong lòng, như vậy thì mới được! Giữ những thứ ấy trong lòng đều là chướng ngại, đều là xen tạp. Đoạn phiền não là “*Niết Bàn nghĩa*”, Niết Bàn (Nirvāṇa) là tiếng Phạn, dịch sang tiếng Hán là Diệt Độ. Tứ Đế Khổ Tập Diệt Đạo, Diệt là Niết Bàn. Niết Bàn có nghĩa là Diệt Phiền Não, Diệt Sanh Tử.

Chúng ta phải đặc biệt lưu ý câu tiếp theo, vì sao? Thích Ca Mâu Ni Phật nói với cha Ngài là Tịnh Phạn Vương (Śuddhodana) [là người có] mối quan hệ mật thiết. Thích Ca Mâu Ni Phật có pháp môn tốt nhất, nhất định trước hết sẽ khuyên cha Ngài tu. Mẹ Ngài đã qua đời, Ngài vừa sanh ra, mẹ liền sanh lên trời, rời khỏi nhân gian. Trong thế gian này, người có ân đức dày nhất là cha Ngài. Đức Phật dạy cha Ngài pháp môn nào? Niệm Phật cầu sanh Tây Phương Tịnh Độ. Thích Ca Mâu Ni Phật do di mẫu (dì) chăm bẵm, nuôi nấng nên người, cũng giống như vậy, Ngài khuyên di mẫu niệm Phật cầu sanh Tây Phương. Quý vị hiểu ngay: Cầu sanh Tây Phương nhất định là thù thắng! Thích Ca Mâu Ni Phật khuyên người nhà, quyến thuộc, Phổ Hiền Bồ Tát khuyên bốn mươi một địa vị Pháp Thân đại sĩ trong hội Hoa Tạng là nói về pháp xuất thế gian, ở đây Thích Ca Mâu Ni Phật nói tới pháp thế gian. Trong các pháp thế gian lẫn xuất thế gian, pháp môn này là pháp môn bậc nhất, chúng ta phải đặc biệt chú ý điều này. Phụ vương của Phật là Tịnh Phạn Vương, đức Phật khuyên cha: “Nay cha nên niệm Tây Phương Cực Lạc thế giới A Di Đà Phật”. “*Thường cần tinh tấn*” (thường siêng năng, tinh tấn), “*thường*” (常) là chẳng gián đoạn. Tinh tấn nơi pháp nào? Một câu Phật hiệu chẳng gián đoạn! Hễ rảnh bèn niệm, lão pháp sư Đàm Hư nói: “*Niệm một bèn nghỉ, tinh thần khôi phục bèn tiếp tục niệm*”. Phải coi chuyện này là đại sự duy nhất của chính mình trong một đời; như vậy thì sẽ đắc Phật đạo. Vãng sanh Tây Phương bèn đắc Phật đạo, [Phật đạo] tức là đạo thành Phật.

(Sớ) Hựu vân: Thập tâm hướng vãng, mạng chung tất sanh bỉ Phật quốc độ, thị Bảo Tích nghĩa.

(疏)又云：十心向往，命終必生彼佛國土，是寶積義。

(Sớ: Lại nói: “Mười tâm hướng về, lúc mạng chung ắt sanh về cõi Phật ấy”, đó là nghĩa lý trong kinh Bảo Tích).

“Thập tâm hướng vãng” là gì? Sách Diễn Nghĩa có chú giải.

(Diễn) Nhất, u chúng sanh khởi đại từ vô tổn hại tâm.

(演) 一、於眾生起大慈無損害心。

(Diễn: Một, đối với chúng sanh khởi tâm đại từ chẳng tổn hại).

Chúng ta đối với bất cứ một chúng sanh nào, người ấy là kẻ thiện lương thì không cần phải nói, dầu kẻ ấy là chúng sanh hung ác, chúng ta vẫn đối xử với hắn bằng từ tâm, chớ nên có lòng tổn thương gây hại đối với chúng sanh. Đây là điều thứ nhất, tức là dùng Từ nhân để nhìn hết thấy chúng sanh.

(Diễn) Nhị, u chúng sanh khởi đại bi vô bức não tâm.

(演) 二、於眾生起大悲無逼惱心。

(Diễn: Hai, đối với chúng sanh khởi tâm đại bi chẳng bức bách, não hại).

“Bi tâm” là tâm xót thương, người ta thường nói là lòng thông cảm, thương xót kẻ vô tri tạo nghiệp.

(Diễn) Tam, u Phật pháp, bất tích thân mạng, nhạo thủ hộ tâm.

(演) 三、於佛法不惜身命樂守護心。

(Diễn: Ba, đối với Phật pháp, chẳng tiếc thân mạng, tâm vui vẻ gìn giữ, bảo vệ).

Phải có tâm hộ trì Phật pháp, dầu hy sinh tánh mạng cũng chẳng tiếc nuối. Phải thủ hộ chánh pháp của Như Lai, đừng nên áp dụng phương cách xử sự mang tính cách tình cảm vào Phật pháp. Trong Phật môn, nhân quả hết sức vi tế, quý vị chú tâm nghiên cứu giới luật sẽ hiểu. Tu phước trong Phật môn thì phước ấy lớn nhất, tạo tội nghiệp trong Phật môn cũng là nặng nhất. Chúng ta hãy nên hiểu những điều này, phải biết hộ pháp.

(Diễn) Tứ, u nhất thiết pháp phát sanh thắng nhẫn vô chấp trước tâm.

(演) 四、於一切法發生勝忍無執著心。

(Diễn: Bốn, đối với hết thấy các pháp, phát sanh nhẫn thù thắng, tâm chẳng chấp trước).

Phải có tâm nhẫn nại đối với hết thảy các pháp. Không có tâm nhẫn nại, quý vị sẽ học chẳng thành! Bất luận học một pháp môn nào, tâm nhẫn nại rất quan trọng! Trong thế gian có nói như thế này: “*Hữu hằng vi thành công chi bản*” (Có tâm kiên quyết không thay đổi, đó là cái gốc để thành công). Một người thiếu “*hằng tâm*” (tâm quyết chí không thay đổi), thiếu lòng nhẫn nại, sẽ chẳng thể tu học Phật pháp thành tựu được! Tâm nhẫn nại quan trọng, nhưng còn có một thứ nữa rất quan trọng là tâm chẳng chấp trước. Tâm nhẫn nại cộng thêm không chấp trước thì [những gì người ấy tu học] sẽ là Phật pháp; trong tâm nhẫn nại có xen lẫn chấp trước thì thừa quý vị, những gì quý vị tu học sẽ là pháp thế gian, quý vị có thể thành tựu Tứ Thiên Bát Định của thế gian, nhưng chẳng có cách nào ra khỏi tam giới! Quý vị phải hiểu rõ điều này: Tu Tứ Thiên Bát Định chẳng phải là công phu đơn giản, quả báo thuộc về Tứ Thiên Thiên, hay trong Tứ Không Thiên, thọ mạng và phước báo chúng ta đều chẳng thể tưởng tượng được. Thế nhưng, tuy chúng ta là phàm phu, nay chúng ta đang tu học, có tâm nhẫn nại, chẳng chấp trước, thì công phu và trí huệ của chúng ta vượt trội họ, vì sao? Vì quý vị có thể thoát khỏi tam giới, còn họ chẳng thể ra khỏi tam giới.

Nếu quý vị đọc nhiều kinh luận sẽ liễu giải, định lực của bậc Tu Đà Hoàn chẳng sâu. Thuở đức Phật tại thế, tôn giả A Nan là Sơ Quả Tu Đà Hoàn, định lực của Ngài không sâu, nhưng Ngài có trí huệ. Những kẻ ở trong Tứ Thiên Thiên và Tứ Không Thiên tuyệt đối chẳng thể sánh bằng những người giống như ngài A Nan, vì sao? Ngài đã phá năm thứ Kiến Hoặc, nói “*phá*” có nghĩa là không chấp trước. Đối với Thân Kiến, Biên Kiến, Giới Thủ Kiến, Kiến Thủ Kiến và Tà Kiến, Ngài đều buông xuống, chẳng chấp trước. Nói cách khác, chư thiên trong Tứ Thiên và Tứ Không Thiên vẫn chưa buông xuống. Vì thế, chư thiên cõi trời Phi Tướng Phi Phi Tướng khi hết thọ mạng, thường đọa lạc trong địa ngục, đều đi vào ba ác đạo, trong kinh điển chúng ta thấy rất nhiều trường hợp như vậy. Tuy Tu Đà Hoàn chưa có năng lực thoát khỏi tam giới vì chưa đoạn Kiến Tư phiền não, nhưng chắc chắn họ chẳng đọa trong ba ác đạo. Điều này chứng tỏ: Tâm nhẫn nại cộng thêm không chấp trước, học Phật như vậy thì mới có thể thành tựu. Thứ gì cũng chẳng chấp trước, nhưng nếu chẳng chấp trước mà thiếu tâm nhẫn nại thì cũng chẳng thể thành công. Chẳng chấp trước, tốt lắm, nhưng đã chẳng chấp trước thì quý vị vẫn cần có cái tâm nhẫn nại để tu học. Vì thế, chúng ta phải nhất định chú ý điều này.

(Diễn) Ngũ, bất tham lợi dưỡng, kính trọng tịnh ý lạc tâm.

(演) 五、不貪利養敬重淨意樂心。

(Diễn: Năm, tâm chẳng tham lợi dưỡng, kính trọng, ý thanh tịnh, vui vẻ).

Nhất định chớ nên tham cầu tiếng tăm, lợi dưỡng; danh lợi hại chết con người! Lợi là phước, mà danh cũng là phước, danh lẫn lợi đều chớ nên tham đắm. Phước báo hiện tiền tức là có danh lợi đưa đến, quý vị cũng chẳng thể không cần, gạt bỏ nó cũng chẳng được! Chính mình phải giác ngộ, nhất định chớ nên tham đắm. Có phước báo cũng tốt, vì có phước báo bèn có thể lợi ích chúng sanh, có phước báo bèn nhường cho chúng sanh cùng hưởng thụ, đó là Bồ Tát. Phước báo ấy chỉ có chính mình hưởng, chẳng chịu chia sẻ cho người khác, hạ người ấy chẳng thể thành Phật! Không chỉ chẳng thể thành Phật, mà ngay cả A La Hán cũng chẳng thành! Vì có sao? Người ấy còn có [quan niệm] Ngã Sở Hữu (cái mà ta có), đương nhiên là có Ngã. Ngã và Ngã Sở Hữu đều là Ngã Chấp chưa phá, chẳng thể thoát khỏi tam giới. Bậc A La Hán không có Ngã và Ngã Sở Hữu, còn kẻ ấy thì có. Vì thế, nhất định phải thấy thấu suốt, phải buông xuống. Công phu thấy thấu suốt và buông xuống được thực hiện từ chỗ nào? Phải bỏ tiếng tăm, lợi dưỡng, phải nhường cho người khác, trong tu hành, chính mình phải giữ cho thân tâm thanh tịnh, như vậy mới là tốt đẹp!

(Diễn) Lục, cầu Phật Chứng Trí u nhất thiết thời vô vong thất tâm.

(演) 六、求佛種智於一切時無忘失心。

(Diễn: Sáu, là trong hết thấy mọi thời, tâm cầu Phật Chứng Trí chẳng quên mất).

Ý niệm cầu Nhất Thiết Chứng Trí của Phật trong hết thấy thời, hết thấy chỗ, hết thấy hoàn cảnh đều chẳng quên mất, đây cũng là niệm đại Bồ Đề. Đó là đạo tâm, nhất tâm nhất ý cầu Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác.

(Diễn) Thất, u chúng sanh tôn trọng, cung kính, vô hạ liệt tâm.

(演) 七、於眾生尊重恭敬無下劣心。

(**Diễn:** *Bây, đối với chúng sanh, tâm tôn trọng, cung kính, chẳng coi rẻ*).

Phổ Hiền Bồ Tát dạy chúng ta “*lễ kính chư Phật*”, đối với hết thảy chúng sanh đều phải giữ tâm lòng cung kính, nhất quyết đừng khinh mạn. Quý vị phải biết: Sanh tâm khinh mạn đối với người khác là chính mình tạo nghiệp chướng. Bản thân chúng ta thường tạo nghiệp mà tự mình chẳng hay biết. Nếu tự mình biết, làm sao tạo tội nghiệp cho được? Người nghiệp chướng nặng nề, nói cách khác, kẻ ấy đã trở thành quen nết, chúng ta phải có sự cảnh giác cao độ đối với chuyện này. Niệm Phật tuy nói là đối nghiệp vãng sanh, nhưng tổ sư đại đức đã nói rất nhiều: Chỉ có mang theo nghiệp cũ, chẳng mang theo nghiệp mới! Nghiệp cũ là gì? Nghiệp do quý vị đã tạo trong quá khứ, có thể mang theo nghiệp ấy đi được. Nghiệp mới là gì? Ta vẫn tiếp tục tạo nghiệp không ngừng, không được rồi! Vì thế, mọi người phải hiểu rõ: Chẳng phải là nói mỗi người niệm Phật đều có thể vãng sanh. Nói theo lý luận, “*vạn người tu, vạn người đến*”, ai niệm Phật cũng đều có thể vãng sanh, nhưng vì sao có người niệm Phật chẳng thể vãng sanh? Người ấy không ngừng tạo nghiệp, không có cách nào hết! Thật sự cảnh giác, trước kia, ta tạo nghiệp, từ nay trở đi, chẳng tạo nghiệp nữa! Ta y giáo tu hành, nhất định vãng sanh. Vì thế, trong tâm chính mình phải hiểu rõ, phải kiểm điểm, tâm có thanh tịnh hay không? Đối với duyên trong cõi đời, đã buông xuống hay chưa? Trong tâm suốt mười hai thời chỉ có một câu Phật hiệu hay chẳng? Đối với người khác có phải là một lòng từ bi hay không? Có tận tâm tận lực giúp đỡ người khác hay không? Nếu đúng như vậy thì quý vị có thể vỗ ngực, ta quyết định vãng sanh, thật đấy, chẳng giả đâu!

Người tập khí nặng nề, phải đối trị, khắc phục tập khí. Chẳng hạn như ngạo nghễ, ngã mạn, dùng phương pháp nào để đối trị? Dùng lễ kính chư Phật! Ta tiếp đãi người và sự việc phải đặc biệt cung kính, vì cung kính sẽ đối trị ngạo nghễ, ngã mạn. Sân khuê trong tâm rất nặng thì phải tu tâm từ bi. Tâm từ bi đối trị sân khuê, bố thí đối trị keo kiệt, tham lam. Phải tìm cách để đối trị, chữa trị căn bệnh ấy. Có thể đối trị những căn bệnh ấy, sẽ nắm chắc vãng sanh. Vì thế, chỉ mang theo nghiệp cũ, chẳng mang theo nghiệp mới. Đương nhiên là sau khi chúng ta nghe Phật pháp, chắc chắn chưa thể sửa đổi thói xấu và tập khí của chính mình ngay lập tức, vì hễ sửa đổi được, sẽ ngay lập tức trở thành thánh nhân.

Phiền não tập khí quá sâu, quá nặng, chẳng thể sửa đổi trong một sớm, một chiều, nhưng nhất định phải thay đổi. Thay đổi là gì? Mỗi năm

một nhẹ hơn, mỗi tháng một nhẹ hơn, đó là hiện tượng tốt. Nếu hoàn toàn chẳng thay đổi, chắc chắn vãng sanh bị chướng ngại. Nếu càng học Phật, càng ngạo nghễ, ngã mạn, càng cảm thấy chính mình phi phạm, phiền phức lớn lắm, chẳng những không thể vãng sanh, mà sợ rằng trong đời này, còn chuốc phải ma chướng. Vì thế, đối với chúng sanh phải cung kính.

(Diễn) Bát, bất trước thế luận, ư Bồ Đề phần, sanh quyết định tâm.

(演) 八、不著世論於菩提分生決定心。

(Diễn: Tám là chẳng đắm chấp những thứ nghị luận của thế gian, sanh tâm quyết định đối với Bồ Đề phần).

Đối với hết thảy các thứ văn hóa, nghệ thuật trong thế gian phải buông xuống, những thứ ấy là chuyện để sướng mắt khoái lòng trong thế gian, tăng trưởng cái tâm tham, tăng trưởng sự si luyến của con người. Vì thế, phải buông xuống, chớ nên chấp trước. Có thể xem, nhưng quyết định đừng chấp trước. Một bức danh họa, một tác phẩm nghệ thuật, một món đồ cổ mấy ngàn năm, trong nhà quý vị cất giữ những món đồ quý báu. Thôi rồi! Lòng quý vị vương mắc nơi đó, sẽ chẳng vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới được đâu! A Di Đà Phật đến tiếp dẫn quý vị, quý vị còn vương vẩn đồ cổ, làm sao đi được? Vậy là không xong rồi! Vì thế, người học Phật đối với hết thảy các pháp trong thế gian chớ nên yêu mến, hễ có món gì yêu mến sẽ đều là chướng ngại. Do vậy, thờ tượng Phật, đừng nên thờ tượng cổ, vì sao? Quý vị dấy lên tâm tham luyến, do cái tâm thường vương mắc ấy sẽ quên tuốt Phật.

(Diễn) Cửu, chủng chư thiện căn, vô hữu tạp nhiễm, thanh tịnh chi tâm.

(演) 九、種諸善根無有雜染清淨之心。

(Diễn: Chín, gieo các thiện căn mà tâm thanh tịnh, chẳng có tạp nhiễm).

Nhất định phải gieo thiện căn! Thiện căn là đối với hết thảy các pháp thế gian và xuất thế gian, chẳng tham, chẳng sân, chẳng si. Tâm phải thanh tịnh, chớ nên tạp nhiễm.

(Diễn) Thập, ư chư Phật xả ly chư tướng, khởi tùy niệm tâm.

(演) 十、於諸佛捨離諸相起隨念心。

(Diễn: Mười, đối với chư Phật bỏ lìa các tướng, khởi tâm tùy niệm).

Nói đến mức rốt ráo nhất, đối với hết thảy Như Lai cũng chẳng chấp trước. Chúng ta niệm Phật, kính Phật, nhưng chẳng chấp trước Phật. Phật mà còn chẳng chấp trước, huống gì những thứ khác? Tâm quý vị mới thật sự thanh tịnh. Chấp trước là sanh cảm tình, cảm tình là cội nguồn của phiền não, là cội gốc sanh tử. Chẳng chấp trước sẽ sanh trí huệ. Đối với Phật mà còn như thế, huống là đối với Bồ Tát, đối với hết thảy chúng sanh? Điều này rất quan trọng.

Đoạn này chính là nghĩa lý trong kinh Bảo Tích, chữ “*Bảo Tích*” trong lời Sớ chỉ kinh Bảo Tích¹. Kinh Bảo Tích bàn rộng diệu pháp, giống như nhiều thứ quý báu chồng chất lại [nên gọi là Bảo Tích]. Hai đoạn [trong kinh ấy], một là Thích Ca Mâu Ni Phật khuyên cha niệm Phật cầu sanh Tịnh Độ, đoạn kia là mười tâm hướng về, khi mạng chung nhất định vãng sanh Tịnh Độ. Đó là những ý nghĩa trong kinh Bảo Tích.

(Sớ) Chỉ như Hoa Nghiêm, viên nghĩa tương thông, dĩ kiến tiền văn. Niệm Phật chỉ nghĩa, bất khả thắng cử. Như thượng thừa nhất kinh đại chỉ nhi ngôn. Phiếm luận kinh nghĩa, tắc Duy Ma trượng thất, dung bát vạn tứ thiên sư tử chi tòa. Kim thử Tịnh Độ, thập phương vãng sanh, do như vũ điểm, giai sanh thất bảo trì trung, tăng vô trách ải, tức Tịnh Danh nghĩa.

(疏) 至如華嚴圓義相通，已見前文，念佛之義，不可勝舉，如上且就一經大旨而言。泛論經義，則維摩丈室，容八萬四千師子之座。今此淨土，十方往生，猶如雨點，皆生七寶池中，曾無窄隘，即淨名義。

(Sớ: Còn như [kinh Di Đà] có ý nghĩa thông với ý nghĩa viên mãn trong kinh Hoa Nghiêm, hãy xem phần trước. Nghĩa lý niệm Phật chẳng

¹ Đại Bảo Tích Kinh (Mahā-ratnakūṭa-sūtra) gồm một trăm hai mươi quyển, do ngài Bồ Đề Lưu Chí dịch. Cổ đức giải thích: Do là các pháp Đại Thừa thâm diệu nên gọi là Bảo, do tụ tập vô lượng pháp môn nên gọi là Tích. Kinh được chia thành bốn mươi chín hội, trong ấy hai mươi ba hội (tám mươi quyển) do các vị dịch kinh thời Ngụy, Tấn, Nam Bắc Triều, Tùy, Đường dịch được gọi chung là Cựu Dịch; hai mươi sáu hội còn lại do ngài Bồ Đề Lưu Chí dịch được gọi chung là Tân Dịch. Nội dung kinh rất rộng, bao gồm Bát Nhã (chẳng hạn hội Văn Thù Sở Thuyết Bát Nhã), Tịnh Độ (hội Vô Lượng Thọ Như Lai), Luật Tông (hội Ma Ha Ca Diếp, hội Tam Tụ Luật Nghi), Bồ Tát hạnh, Mật giáo v.v...

thể kể xiết. Những điều được nói trên đây chính là tông chỉ to lớn của kinh này. Nếu bàn chung về ý nghĩa của kinh này thì cái thất vuông vức một trượng của ngài Duy Ma Cật có thể chứa [ba vạn hai ngàn] tòa sư tử [cao rộng] tám vạn bốn ngàn [do-tuần]. Nay mười phương vãng sanh Tịnh Độ giống như mưa rơi, đều sanh trong ao bảy báu chưa từng chật hẹp, đây chính là nghĩa lý trong kinh Tịnh Danh).

“*Nhất kinh đại chỉ*” (tông chỉ to lớn của một kinh) chính là niệm Phật vãng sanh. Nói về điều gì? Một bộ kinh to như kinh Hoa Nghiêm nhằm dạy chúng ta điều gì? Dạy chúng ta niệm Phật vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới. Đọc cẩn thận kinh Hoa Nghiêm từ đầu đến cuối, quý vị mới hiểu thành Phật khó khăn, chẳng dễ dàng! Chúng ta suốt cả đời chẳng đạt đến cảnh giới ấy, đối với lý luận và phương pháp [dạy trong kinh Hoa Nghiêm], chúng ta đều chẳng thể làm được trong một đời; nhưng chiều cuối cùng là dạy chúng ta niệm Phật cầu sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới. Ở đây, đại sư nêu ra nhằm dạy chúng ta “*thập tâm hướng vãng*”, nhưng kinh Hoa Nghiêm dùng “*mười đại nguyện vương*”. Đó chính là pháp tu học của các vị Pháp Thân đại sĩ, các Ngài cũng niệm một câu A Di Đà Phật, tín nguyện trì danh; vì sao các Ngài có địa vị cao như thế? Vì các Ngài tu mười đại nguyện vương. Nếu chúng ta cũng tu mười đại nguyện vương, thừa quý vị, vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới phẩm vị nhất định tăng cao. Do vậy, chính mình nhất định phải làm được điều này, phải tu học sao cho tư tưởng, quan niệm và hành vi của chính mình tuân theo mười đại cương lĩnh ấy.

“*Lễ kính chư Phật*” là tu cung kính. Kinh Vô Lượng Thọ nói “*giai tuân Phổ Hiền chi đức*” (đều tuân theo phẩm đức của Phổ Hiền Bồ Tát), phẩm đức của Phổ Hiền chính là mười đại nguyện vương dẫn về Cực Lạc. Những vị Bồ Tát trong hội Vô Lượng Thọ đều học theo Phổ Hiền Bồ Tát, đều tu mười đại nguyện vương. Do đây, có thể biết tánh chất trọng yếu của mười đại nguyện vương đối với niệm Phật. Chúng ta nghiệp chướng sâu nặng, có những đồng tu cũng tự biết: Làm thế nào để sám trừ nghiệp chướng? Hãy chiều theo mười đại nguyện vương để sám trừ nghiệp chướng; nhất định phải sửa đổi tập khí, sửa đổi tâm lý, như vậy thì mới được! Tâm đã sửa đổi, hành vi sẽ tự nhiên đổi theo. Tâm chẳng đổi, chỉ sửa trên phương diện hành vi sẽ rất khó khăn; trong tâm đã sửa đổi, hành vi sẽ tự nhiên biến hóa. Ví như chúng ta nói tới cung kính, chúng ta cung kính một người nào đó, mà chẳng có lòng cung kính thật sự, dù lễ độ kiểu nào đi nữa vẫn là giả vờ, làm điệu làm bộ, chẳng phát xuất từ nội tâm. Nếu

phát xuất từ nội tâm, dấu người ấy chưa từng đi học, chưa từng học qua lễ tiết, vẫn tự nhiên biểu hiện rất cung kính. Trong quá khứ, tôi đã thấy [những trường hợp giống như vậy] rất nhiều!

Năm Dân Quốc 38 (1949) tôi đến Đài Loan, năm 39 (1950) tôi theo lão Tổng Thống (Trưởng Giới Thạch), văn phòng của tôi ở sát vách văn phòng của ông ta, tôi thấy nhiều lắm. Sau này, tôi học Phật mới hoảng nhiên đại ngộ! Nếu mỗi người chúng ta đều có lòng cung kính giống như lòng cung kính đối với Tổng Thống thì lễ kính chư Phật sẽ viên mãn. Văn phòng của chúng tôi được thiết kế theo kiểu nội thất Nhật Bản, mỗi người bước vào phạm vi của văn phòng Tổng Thống đều bước nhẹ chân, đều chẳng dám gây tiếng động, chú ý, cẩn thận đi qua. Gặp mặt đều khẽ gật đầu, chẳng dám nói lớn tiếng, thái độ cung kính tự nhiên lộ ra. Ai dạy họ? Chẳng ai dạy cả! Như vậy là cái tâm tự nhiên ảnh hưởng đến hành vi. Từ biểu hiện bên ngoài có thể thấy được tấm lòng cung kính thật sự của một người. Chúng ta có cái tâm như thế sẽ học Phật thành công, có thể tu viên mãn điều nguyện “*lễ kính chư Phật*”. Ngày nay chúng ta quá thiếu sót điều này, cho nên chẳng niệm một câu Phật hiệu tốt đẹp. Có chướng ngại thì làm sao niệm cho tốt đẹp được?

“*Xưng tán Như Lai*”: Cổ nhân Trung Quốc dạy chúng ta “*ẩn ác, dương thiện*” (ẩn giấu điều ác, đề cao điều thiện), thấy mặt tốt của chúng sanh, chúng ta phải tán thán, cổ vũ, khích lệ; thấy mặt ác của họ, đừng nói, để họ tự phản tỉnh, tự mình sám hối. Đây là để nuôi dưỡng lòng trung hậu của chính mình. Vì thế, quở trách kẻ khác chẳng phải là chuyện đơn giản! Chẳng có mối quan hệ sâu dày, người ta thấy quý vị phạm lỗi, chẳng thể nói với quý vị được. Quý vị có lỗi lầm, ai sẽ nói? Cha mẹ quý vị nói, thầy dạy nói, thầy có nghĩa vụ dạy bảo quý vị. Lại còn có những người bạn tốt nhất của quý vị, uôn nắn lầm lỗi, khuyên lơn điều lành. Không có những mối giao tình như thế, không có quan hệ mật thiết như vậy, quý vị có làm càn, làm quấy, người ta chẳng nói gì! Khi cụ Chương Thái Viêm còn sống, từng bị Viên Thế Khải nhốt trong ngục hơn một tháng. Vì sao cụ bị Viên Thế Khải nhốt? Cụ Chương Thái Viêm chẳng chửi mắng Viên Thế Khải. Viên Thế Khải mong được Chương Thái Viêm chửi hấn mấy câu, mà cụ chẳng chịu chửi, nên mới giam cụ lại. Quý vị phải biết: Họ cũng là bạn bè rất thân thiết, [cụ Chương] chẳng chửi hấn có nghĩa là “gã ấy kẻ như xong rồi”, chẳng đáng cho ta chửi nữa! Không có tư cách nghe chửi! Đáng chửi thì nói cách khác là người ấy vẫn còn cứu được! Không thềm chửi tức là kẻ ấy hết cách cứu rồi! Chửi để làm gì? Nếu còn coi trọng hấn thì còn nghĩ cách để giúp đỡ hấn.

Thầy đối với trò cũng giống như thế. Khi chúng tôi ở Đài Trung thân cận thầy Lý, có học sinh khi thầy thấy mặt bèn rất dữ dằn, trong cách đối đãi, chưa hề tươi cười với người ấy, không chửi thì cũng đánh. Đó là thầy rất coi trọng người ấy. Còn đối với những học sinh khác, thầy gặp mặt rất khách sáo, đối đãi giống như khách, thấy người ấy phạm lỗi tuyệt đối chẳng nói một câu nào, đó là bỏ mặc, chẳng còn có cách nào dạy nữa! Chẳng phải là thầy thiếu từ bi, vì sao thầy bỏ mặc? Nói đến hấn, hấn liền đốp chất lại, không phục, muốn cãi lý với thầy, thôi đi, từ đây về sau không dạy nữa. Kẻ ấy chẳng biết phản tỉnh, chẳng biết kiểm điểm, tự cho là đúng. Trong các đồng học chúng tôi có không ít người như vậy, thầy buông bỏ; hằng ngày bị mắng mỏ, giáo huấn chính là thầy yêu thương đấy!

“*Cúng dường*” có ý nghĩa hết sức rộng, đặc biệt chú trọng pháp cúng dường, tức là đem Phật pháp giới thiệu với người khác, khuyến khích mọi người cùng tu. Sau đợt Phật Thất lần này, tôi có một ý tưởng dành cho Quán Trưởng suy xét, xem có thể thực hiện được hay không. Chúng ta có thể lập ra mấy ban niệm Phật nhằm thúc đẩy mạnh mẽ phong khí niệm Phật. Khi lập ra ban niệm Phật, đạo tràng này của chúng ta chuyên tu Tịnh Độ, chuyên giảng kinh điển Tịnh Độ, hy vọng mỗi vị đồng tu đều học thuộc nghi thức niệm Phật, mỗi người đều có thể đánh pháp khí, mỗi người đều có thể lãnh chúng, đạo tràng này nhất định hưng vượng. Người đông, chỗ chúng ta nhỏ, nên luân phiên niệm Phật. Trước hết, chúng ta lập ra mười ban, sau này khi đả Phật Thất, mỗi ban luân phiên chịu trách nhiệm tổ chức. Sau này, người đông hơn, có sức mạnh, đạo tràng chúng ta có thể mở rộng, có một giảng đường, một Niệm Phật Đường, chẳng cần phải mỗi ngày dọn bàn ghế, trong Niệm Phật Đường niệm Phật, trong giảng đường nghe kinh, thuận tiện lắm! Vì thế, thứ gì cũng đều phải học, nhất là pháp khí trong nghi thức niệm Phật đơn giản, chẳng rắc rối.

Chiếu theo mười đại nguyện vương để tu học, đó là nguyên tắc tu hành trọng yếu của kinh Hoa Nghiêm. Chúng ta đãi người tiếp vật niệm niệm đừng quên mười nguyện này, mười nguyện này là cương lĩnh cho cuộc sống của chúng ta. Trong một đời này, đãi người, tiếp vật chiếu theo mười điều giáo huấn này để làm. Vì thế, ý nghĩa của kinh Hoa Nghiêm và ý nghĩa của kinh này tương thông. Trong tương lai, quý vị sẽ thấy [điều này] rõ ràng, minh bạch hơn qua kinh Vô Lượng Thọ. “*Niệm Phật chi nghĩa, bất khả thắng cử*” (nghĩa lý niệm Phật chẳng thể kể xiết), quá ư là nhiều, đúng là ngàn kinh vạn luận chỗ nào cũng chỉ dẫn, hướng về!

“*Phiếm luận kinh nghĩa, tặc Duy Ma trượng thất*” (bàn chung chung ý nghĩa của kinh thì cái thất vuông vức một trượng của ngài Duy

Ma), đây là kinh Duy Ma. Trong kinh Vô Lượng Thọ, mười sáu vị cư sĩ như ngài Hiền Hộ là Đẳng Giác Bồ Tát. Cư sĩ Duy Ma là Phật, thuở Phật tại thế, trong thế gian này có hai vị Phật, một vị là đức Phật xuất gia, một vị là Phật tại gia. Đôi bên hợp tác như thế để giáo hóa chúng sanh, địa vị bình đẳng. Tỳ-kheo xuất gia như Xá Lợi Phất, Mục Kiền Liên đều là bậc đại tỳ-kheo thọ Cụ Túc Giới, trông thấy ngài Duy Ma bèn đánh lễ ba lạy, nhiều theo chiều bên phải ba vòng.

Đầu thời Dân Quốc, Âu Dương Cánh Vô lập Chi Na Nội Học Viện, đào tạo không ít nhân tài. Thái Hư đại sư là học sinh dự thính, Lương Khải Siêu là học sinh chính thức. Đầu thời Dân Quốc, có nhiều vị đại cư sĩ, đại đức trong giới Phật học đều tốt nghiệp từ trường ấy. Những bài giáo huấn của Nội Học Viện viết rất rõ ràng, trích dẫn kinh điển để làm căn cứ nói với mọi người. Trong Phật môn, “*thầy là lớn nhất*”, vì Phật pháp quả thật là nền giáo dục của đức Phật, mà trong giáo dục thì thầy là lớn nhất. Thầy không nhất định là người xuất gia hay tại gia, chỉ cần người ấy là thầy thì là lớn bậc nhất. Ngài Duy Ma là thầy, vì thế, người xuất gia thấy Ngài chẳng khác gì thấy Phật, quý vị phải tôn sư trọng đạo. Thuở đức Phật tại thế đã dùng trường hợp này hiển thị cho chúng ta thấy. Trải qua các đời cũng giống như thế. Huyền Trang đại sư cầu học tại Ấn Độ có hai vị thầy, một là người tại gia, vị kia là người xuất gia. Vị xuất gia là luận sư Giới Hiền (Śīlabhadra), trụ trì chùa Na Lan Đà (Nālandā), vị tại gia là cư sĩ Thắng Quân. Ngài Huyền Trang đôi đũa, lễ kính với hai vị thầy chắc chắn chẳng khác nhau. Chẳng thể nói quý vị là người xuất gia, người kia là cư sĩ tại gia, có thể khinh mạn đôi chút.

Cư sĩ thăng tòa giảng kinh, người xuất gia khi đến nghe phải lễ bái. Nếu không lễ bái, sẽ phạm lỗi, vì người ấy đã thăng tòa thay mặt Phật nói pháp. Thăng tòa là thuộc địa vị thầy. Khi quý vị chẳng thăng tòa, chúng ta ở cùng một chỗ, tôi là người xuất gia, quý vị là người tại gia, có khi quý vị lễ bái, tôi chẳng khách sáo, tôi cũng nhận lễ. Khi quý vị thăng tòa, tôi không dám; khi quý vị dạy học, tôi nhất định không dám. Khi quý vị trực tiếp chỉ dạy tôi, thì lúc bình thường tôi cũng không dám [nhận lễ]. Chẳng hạn như tôi theo học với thầy Lý ở Đài Trung, Ngài dạy tôi Phật pháp, tôi học với Ngài mười năm. Lúc bình thường tôi cũng chẳng dám tiếp nhận Ngài đánh lễ, chắc chắn chẳng dám! Ngài chẳng cho chúng tôi đánh lễ, lễ bái, đó là Ngài khách sáo! Đúng ra, hễ chúng tôi gặp mặt Ngài đều phải đánh lễ, đó mới là đúng! Ngài khách sáo, cho nên đó là chuyện khác; nhưng khi thăng tòa giảng kinh, nhất định phải lễ. Hiện thời, có những người quên mất chuyện này, cứ nghĩ người xuất gia, mặc một bộ quần áo

rộng tay là đáng nên tiếp nhận hết thấy mọi người lễ bái, quan niệm ấy hoàn toàn sai lầm!

Kinh nói: Trưởng giả Duy Ma từ chỗ Tu Di Đăng Vương Phật mượn “*ba vạn hai ngàn tòa sư tử*”, vì Ngài thuyết pháp, có nhiều vị Bồ Tát từ mười phương đến nghe. Trong phòng Ngài chẳng có ghế ngồi, căn phòng bao lớn? “*Trượng thất*” là căn phòng hình vuông, mỗi bề một trượng. Ngài đến chỗ Tu Di Đăng Vương Phật mượn ba vạn hai ngàn tòa sư tử. Mỗi một tòa sư tử đều cao tám vạn bốn ngàn do-tuần, đặt trong cái thất vuông vức một trượng ấy, mà căn phòng chẳng bị chật chội. Đó là thần thông. Tòa sư tử chẳng bị rút nhỏ, căn phòng của Ngài chẳng phình to, đây là cảnh giới Hoa Nghiêm, thường nói là “*giới tử nập Tu Di*” (núi Tu Di nhét vào hạt cải), là cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn!

“*Kim thử Tịnh Độ, thập phương vãng sanh*” (Nay cõi Tịnh Độ này, mười phương vãng sanh), rốt cuộc Tây Phương Cực Lạc thế giới bao lớn? Người trong mười phương vô lượng vô biên thế giới nhiều đường ấy đều vãng sanh, Tây Phương Cực Lạc thế giới chứa được hay không? Nêu lên chuyện cái thất vuông vức một trượng của trưởng giả Duy Ma có thể chứa ba vạn hai ngàn tòa sư tử, thần lực của Ngài chẳng thể nghĩ bàn, hàng phàm phu chúng ta chắc chắn chẳng thể tưởng tượng được, thật sự chẳng thể nghĩ bàn! Dung lượng của ao bảy báu trong Tây Phương Cực Lạc thế giới là vô lượng vô biên, có cùng một ý nghĩa với cái thất vuông vức một trượng của trưởng giả Duy Ma, “*tức Tịnh Danh nghĩa*” (chính là nghĩa lý trong kinh Tịnh Danh), chuyện là như vậy đó.

(Sớ) Như Lai Thần Lực Phẩm, Thích Ca dữ thập phương chư Phật, đồng xuất quảng trường thiệt tướng, nãi chí Phạm Thiên, vị tán thán Pháp Hoa cổ. Kim thử lục phương tán thán diệc phục như thị, tức Pháp Hoa nghĩa.

(疏)如來神力品，釋迦與十方諸佛，同出廣長舌相，乃至梵天，為讚歎法華故，今此六方讚歎亦復如是，即法華義。

(Sớ: Trong phẩm Như Lai Thần Lực, Phật Thích Ca và mười phương chư Phật cùng hiện tướng lưỡi rộng dài thâu tận cõi trời Phạm Thiên để tán thán kinh Pháp Hoa. Nay trong kinh này, sáu phương tán thán cũng giống như thế, đây là nghĩa lý trong kinh Pháp Hoa).

Đây là dẫn phẩm Như Lai Thần Lực của kinh Pháp Hoa, [để chứng tỏ] kinh này và kinh Pháp Hoa ý nghĩa tương thông, tương thông ở chỗ

nào? Mười phương chư Phật tán thán. Trong kinh Pháp Hoa, mười phương chư Phật tán thán; trong kinh này, mười phương chư Phật cũng tán thán. Từ kinh điển, chúng ta thấy hết sức rõ ràng.

(Sớ) *Lược cử thiếu phần, thông chư Đại Thừa, dư bất phiên tự.*

(疏) 略舉少分，通諸大乘，餘不繁敘。

(Sớ: Nêu đại lược ít phần [nhằm chứng tỏ kinh này có ý nghĩa] tương thông các kinh Đại Thừa, những điều khác chẳng mất công trình bày nữa).

Đây là lời tổng kết, nêu ra mấy điều như thế; đối với những điều khác, nếu mỗi điều đều nêu ra thì nhiều quá, kể chẳng hết! Phàm là kinh luận nói đến Tịnh Độ, cổ nhân đã biên soạn một mục lục, bộ kinh nào nói đến Tịnh Độ, khuyên vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới, [danh sách các bộ kinh ấy] gần như gồm mấy trăm loại. Quý vị mới biết cổ nhân nói: “*Thiên kinh vạn luận xir xir chỉ quy*” (ngàn kinh vạn luận, đâu đâu cũng chỉ về) chẳng phải là nói tùy tiện, mới biết chỗ thù thắng của pháp môn này. Chỉ có một mục đích này, khuyên chúng ta hãy chết sạch lòng so đo, khẳng khái niệm Phật, dùng thời gian ngắn nhất để đạt được thành tựu cao nhất.

(Sớ) *Hựu Khởi Tín nhân duyên phần.*

(疏) 又起信因緣分。

(Sớ: Lại nữa, trong phần nhân duyên của luận Khởi Tín).

Khởi Tín là Đại Thừa Khởi Tín Luận, gồm có năm phần, tức là năm chương. Nhân Duyên là chương thứ nhất.

(Sớ) *Sớ minh Tín vị sơ tâm hữu tứ chủng cơ, dĩ lễ sám, diệt tội bị sơ cơ, dĩ tu tập Chỉ Quán bị trung cơ, dĩ cầu sanh Tịnh Độ bị thượng cơ.*

(疏) 疏。明信位初心有四種機：以禮懺滅罪被初機，以修習止觀被中機，以求生淨土被上機。

(Sớ: Trong lời Sớ giảng rõ: Địa vị sơ tâm trong Thập Tín có bốn loại căn cơ, dùng lễ sám, diệt tội để gia bị sơ cơ, dùng tu tập Chỉ Quán để gia bị trung cơ, dùng cầu sanh Tịnh Độ để gia bị thượng cơ).

“Bị” (被) có nghĩa là gia bị. Khởi Tín Luận cũng đề xướng Tịnh Độ, khuyên chúng ta vãng sanh Tây Phương Tịnh Độ, mấy câu này cũng rất quan trọng. “*Tín vị sơ tâm*”: Tín vị là địa vị Thập Tín, [sơ tâm] là địa vị Sơ Tín trong Thập Tín. Địa vị Sơ Tín có bốn loại căn cơ khác nhau, đây là nói thượng, trung, hạ. Trong Khởi Tín Luận, điều thứ năm là “*vị thị phương tiện, tiêu ác nghiệp chướng, thiện hộ kỳ tâm, viễn ly si mạn, xuất tà vọng cố*” (nhằm chỉ bày phương tiện để tiêu trừ nghiệp chướng ác, khéo giữ gìn cái tâm, xa lìa si mạn, thoát khỏi lưới tà). Đây là dạy cho chúng ta một phương pháp tu học thuận tiện, nhằm mục đích tiêu nghiệp chướng, giữ gìn đạo tâm, ắt phải xa lìa ngu si, kiêu mạn, tà kiến, điều này rất quan trọng! Nếu chúng ta chẳng thể lìa bỏ ngu si, kiêu mạn, tà kiến, sẽ chẳng có cách nào. Trong Phật môn nói loại chúng sanh này căn khí chưa chín muồi, chẳng thể thành tựu trong một đời này. Chỉ có thể nói là cùng tu tập giúp cho người ấy thành tựu một chút thiện căn mà thôi, người ấy chẳng thể thành tựu trong một đời này. Chúng sanh căn cơ chín muồi là gì? Theo tiêu chuẩn của Khởi Tín Luận, chúng sanh căn cơ chín muồi chắc chắn thành tựu trong một đời này.

Tà - chánh, chân - vọng, đúng - sai, lợi - hại chẳng phân biệt rõ ràng, đó là ngu si. Gì là tà, gì là chánh, quý vị phải biết rõ ràng. Ngu si là thiếu trí huệ. “*Kiêu mạn*” là kiêu ngạo và ngạo mạn, bệnh này ai cũng có, là tật bẩm sinh, chẳng cần phải học, tự nhiên mà có! Trong Lễ Ký, Khổng Phu Tử đã nói: “*Ngạo bất khả trường*” (đừng nên tăng trưởng lòng kiêu ngạo). Hết thầy chúng sanh có ai chẳng kiêu ngạo? Ngay cả kẻ ăn mày, trông thấy người có tiền ngồi xe hơi vút qua, kẻ ấy vẫn hứ một tiếng: “Quý báu cái nổi gì! Chẳng qua là có mấy đồng tiền thôi tha mà thôi!” Kẻ ấy vẫn cảm thấy chính mình ghê gớm lắm! Vì thế, ngạo mạn là tật bẩm sinh, là đại phiền não. Dưới tham, sân, si là mạn; vì thế, nhất định phải đoạn. Phật pháp sở dĩ lấy “*lễ kính chư Phật*” làm điều đầu tiên nhằm đối trị kiêu mạn vì đây là một phiền não rất to. Nếu chẳng trừ khử được, sự tu hành của chúng ta nhất định bị chướng ngại. Quý vị có thể lìa khỏi ngu si, kiêu mạn, tà kiến thì nghiệp chướng sẽ tiêu trừ, đạo tâm sẽ kiên cố. Đây là nguyên tắc tu học được dạy trong Khởi Tín Luận.

Điều thứ sáu là “*vị thị tu tập Chỉ Quán, đối trị phàm phu Nhị Thừa tâm quá cố*” (vì dạy tu tập Chỉ Quán, nhằm đối trị những lỗi lầm nơi tâm của phàm phu và Nhị Thừa), đây chính là chỉ dạy chúng ta tu hành Chỉ Quán. Nay chúng ta có cần dùng phương pháp này của luận Khởi Tín hay không? Chẳng cần thiết! Niệm Phật là tu Chỉ Quán. Có sao niệm Phật là Chỉ Quán? Khi niệm Phật, tất cả hết thảy vọng niệm đều “*chỉ trụ*”, “*chỉ*”

(止) là ngưng dứt, ngưng dứt thì chính là tu Chỉ. Một câu A Di Đà Phật từng chữ rõ ràng, phân minh, đó là Quán. Vì thế, chúng ta chẳng cần chuốc lấy phiền phức. Quý vị học Pháp Hoa, chẳng dùng cách tu của Ma Ha Chỉ Quán: Tiểu Chỉ Quán lẫn Đại Chỉ Quán đều chẳng cần phải hành. Quý vị đọc luận Khởi Tín, cũng chẳng cần phải sử dụng Chỉ Quán, một câu A Di Đà Phật trọn đủ Chỉ và Quán; phương pháp dễ dàng hơn, lại đỡ tốn công, còn có sức mạnh. Hiệu quả và sức mạnh ấy chắc chắn chẳng kém Ma Ha Chỉ Quán, dùng phương pháp này để tu học.

Điều thứ bảy, “*vị thị chuyên niệm phương tiện*” (nhằm chỉ dạy phương tiện chuyên niệm). Niệm Phật nhằm nói với người thượng căn. Đối với kẻ hạ căn, có thể dạy họ sám hối để tiêu nghiệp chướng, giữ gìn đạo tâm, đó là “*lễ sám diệt tội*”. Căn cơ bậc trung thì tu Chỉ Quán, giúp họ tu Định. Đối với người căn cơ bậc thượng, liền dạy họ niệm Phật. Trong luận Khởi Tín, dạy người căn cơ bậc thượng niệm Phật; niệm Phật là phương tiện chuyên niệm. “*Sanh ư Phật tiền, tất định bất thoái tín tâm*” (sinh ở trước Phật, tín tâm nhất định chẳng lui sụt), vì đây là lời nói ngàn vạn phần xác đáng. Pháp môn này là pháp môn bậc nhất trong tất cả các pháp môn; trong lời tựa cho bộ kinh Vô Lượng Thọ, cư sĩ Mai Quang Hy đã nói như thế. Nếu chẳng phải là người thật sự đạt tâm đắc từ pháp môn Niệm Phật, kẻ ấy sẽ chẳng biết sự vi diệu của pháp môn này, chẳng phải là người thông đạt biển giáo, sẽ chẳng biết chỗ thù thắng của bộ kinh này. Quý vị thật sự thông đạt biển giáo, hết thảy kinh luận đều xem qua, quý vị có năng lực so sánh, sẽ thấy rộng rãi! Cổ nhân đã nói: “*Chẳng sợ không biết giá trị, chỉ sợ so đo giá trị*”. Quý vị lật Đại Tạng Kinh ra xem, so sánh tất cả, sau khi so sánh xong xuôi hết cả rồi, mới biết kinh này hay nhất! Vì thế, trong những khóa giảng trong quá khứ tôi thường nói: Nếu đem hết thảy các kinh bày ra trước mặt, chỉ được phép chọn một bộ, tôi nhất định chọn kinh A Di Đà, đủ rồi! Nếu còn có thể chọn thêm một bộ nữa, tôi chọn kinh Hoa Nghiêm. Như vậy là kinh Hoa Nghiêm thuộc hạng hai, kinh Di Đà là bậc nhất, hết sức khấn yếu!

Những vị đại đức xưa nay, phàm những vị quay về Tịnh Độ đều là những người đã đi theo rất nhiều đường lối oan uổng. Trực tiếp đi theo Tịnh Độ, tôi vẫn chưa nghe nói có một ai, đều là đi đường vòng thật rộng, đến cuối cùng quay về Tịnh Độ, ngay cả Ấn Quang đại sư cũng vậy. Ngài Ấn Quang là tổ sư Tịnh Độ Tông đương đại, Ngài cũng chẳng phải là vừa học Phật bèn chọn Tịnh Độ. Ngài cũng học rất nhiều thứ, đến cuối cùng trở về Tịnh Độ. Ngài sống tại Tăng Kinh Lâu của Phổ Đà Sơn ba mươi năm, quản thủ thư viện, xem kinh suốt ba mươi năm; vì thế, nội dung bộ

Văn Sao của Ngài bác đại tinh thâm, pháp thể gian lẫn xuất thể gian đều có. Sách vở trong Tàng Kinh Lâu của nhà chùa hết sức hoàn bị, trừ kinh Phật ra, còn có sách vở thể gian. Tổ Ấn Quang trụ tại đó ba mươi năm, Ngài đọc thông suốt pháp thể gian lẫn xuất thể gian; vì thế, Ngài mới chết sạch lòng so đo, khẳng khái niệm Phật.

(Sớ) Sơ vị nghiệp chương chúng sanh, trung vị phàm phu Nhị Thừa, tắc tri Tịnh Độ thị Đại Thừa Bồ Tát sở tu hỹ.

(疏)初謂業障眾生，中謂凡夫二乘，則知淨土是大乘菩薩所修矣。

(Sớ: Trước hết, nói đến chúng sanh nghiệp chương, kế đó, nói đến phàm phu và Nhị Thừa, nên biết Tịnh Độ là pháp tu của Đại Thừa Bồ Tát vậy).

Mã Minh Bồ Tát viết Đại Thừa Khởi Tín Luận. Mã Minh Bồ Tát vốn là người cầu sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới. Sau đấy, Long Thọ Bồ Tát cũng cầu sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới. Qua bộ luận, chúng ta đã thấy hết sức rõ ràng, “sơ cơ” là nói kẻ nghiệp chương sâu nặng, phải khởi sự từ lễ sám diệt tội. Nếu vừa bắt đầu bèn bảo họ niệm Phật, tuy là gieo hạt giống nơi Tịnh Độ, nhưng kẻ ấy có chương ngại, chẳng thể niệm Phật hiệu tốt đẹp được! Vì thế, nhất định phải lễ sám diệt tội, trước hết phải trừ chương ngại nơi Bồ Tát đạo của chính mình, sau đó quý vị mới có thể đi thông suốt [trên con đường ấy].

Căn cơ bậc trung là phàm phu và Nhị Thừa, tuy nghiệp chương nhẹ hơn một chút, nhưng họ phải tu Định để cái tâm định lại, sau đấy mới có thể tu đạo. Tâm định rất quan trọng, pháp thể gian lẫn xuất thể gian đều cần “định công”. “Định công” thường được gọi thông tục là sự chuyên tâm, hay chuyên nhất. Nếu quý vị có thể chuyên nhất, bất luận chuyện gì cũng đều có thể thành tựu. Đáng sợ là tam tâm, nhị ý, sẽ rất khó khăn, nhất định phải chuyên dốc sức nơi một môn. Người căn cơ thượng đẳng sẽ nhất tâm niệm Phật cầu sanh Tịnh Độ. Vì thế, Tịnh Độ là pháp tu của Đại Thừa Bồ Tát.

(Sớ) Nghĩa lý sở cai, tổng kết thượng văn.

(疏)義理所該，總結上文。

(Sớ: Nghĩa lý bao trùm trọn vẹn là lời tổng kết cho những đoạn kinh văn trong phần trước).

Đây là lời giải thích cho câu văn trong phần lời Tựa.

(Sớ) Khiên vuơu giả, khinh hủy thử kinh, tức khinh hủy Đại Thừa, hoạch tội vô lượng cố.

(疏) 愆尤者，輕毀此經，即輕毀大乘，獲罪無量故。

(Sớ: “Tội khiên”: Khinh rẻ, hủy báng kinh này chính là khinh rẻ, hủy báng Đại Thừa, chuốc tội vô lượng).

Đoạn lời tựa trong phần trên đã đặc biệt cảnh tỉnh, nhắc nhở chúng ta, “*bất ưng thị đồng thiên cận, tự thủ khiên vuơu*” (đừng nên coi kinh là nông cạn, tự chuốc lấy tội khiên), tự mình gây tạo tội lỗi. Vì thế, phải biết vị trí của bộ kinh này trong toàn bộ Phật pháp, hết thấy chư Phật dùng kinh này để giáo hóa chúng sanh, chúng ta phải hiểu tánh trọng yếu của nó. Trong một đời này, chúng ta may mắn gặp gỡ pháp môn này, có may mắn lý giải pháp môn này, thật sự nhận biết pháp môn này; đây là thiện căn, phước đức, nhân duyên chẳng thể nghĩ bàn, hy vọng mọi người sẽ trân quý, chẳng đến nỗi bỏ lỡ một đời này. Tu hành càng nhanh càng tốt, chớ nên chần chừ, điều này rất quan trọng. Hôm nay đã hết thời gian, chúng tôi giảng đến đoạn này.